

Số: 134/2026/QĐST - HNGĐ

Ninh Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị G**, sinh ngày 26-05-1985; Số căn cước: 036185010912; nơi cư trú: **Số A N, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 30-04-1982; Số căn cước công dân: 034082016122; nơi cư trú: **Số A N, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Tạ Thị G** và anh **Nguyễn Văn N**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tạ Thị G** và anh **Nguyễn Văn N** thống nhất thuận tình ly hôn.
 - Về con: Giao cháu **Nguyễn Hà M**, sinh ngày 26-08-2015, giới tính Nữ và cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 04-11-2018, giới tính Nữ cho chị **Tạ Thị G** trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Tạ Thị G** và anh **Nguyễn Văn N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và các vấn đề khác liên quan: Chị **Tạ Thị G** và anh **Nguyễn Văn N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **Nguyễn Văn N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng anh **N** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **Tạ Thị G**.

- Về án phí ly hôn: Chị **Tạ Thị G** tự nguyện nộp 150.000 đồng (Cả phần án phí của anh **N**). Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **G** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001151 ngày 13-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ; Chị **G** được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Thiên Trường;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ninh